TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13/02/2025.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Luân và bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Kim Bảng (nay là tổ dân phố T, phường Đ, thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1986.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn T1, xã Đ, huyện Kim Bảng (nay là tổ dân phố T1, phường Đ, thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 30/7/2024 và lời khai tại Tòa án, anh Trịnh Văn T là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị L kết hôn tự nguyện, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi và trước khi tổ chức lễ cưới có đăng kí kết hôn ngày 02 tháng 3 năm 2009 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Kim Bảng (nay là UBND phường Đ, thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng

cùng chung sống ở nhà bố mẹ đẻ anh T thôn T1, xã Đ, huyện Kim Bảng (nay là tổ dân phố T1, phường Đ, thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm lẫn nhau, xảy ra cãi vã thường xuyên. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên cuối năm 2013 cho đến nay chị Liên đã bỏ đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là thôn T, xã Đ, huyện Kim Bảng (nay là tổ dân phố T1, phường Đ, thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam không về chung sống với anh T và các con. Anh Tuyên đã tìm kiếm nhiều năm nay ở nhiều nơi nhưng không có tin tức của chị L và ngày 19 tháng 01 năm 2019, chị L đã được Toà án tuyên bố là mất tích. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Kim Huệ, sinh ngày 24/12/2009 và cháu Trịnh Thị Huyền Tr, sinh ngày 04/4/2012, hiện hai cháu đang ở với anh T từ khi chị L bỏ đi năm 2013 cho đến nay. Khi ly hôn anh Tuyên xin được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu Tr kể từ khi ly hôn cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Chị Hoàng Thị L là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: 1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trịnh Văn T. Xử ly hôn giữa anh Trịnh Văn T và chị Hoàng Thị L. 2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Kim H, sinh ngày 24/12/2009 và cháu Trịnh Thị Huyền Tr, sinh ngày 04/4/2012 cho anh Tuyên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị Liên không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của anh Tuyên. 3. Án phí: Anh Trịnh Văn T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tạm ứng

án phí anh Tuyên đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000196 ngày 10/10/2024 tại Chi cục Thi án dân sự huyện Kim Bảng (nay là Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Trịnh Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Hoàng Thị L là bị đơn; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn T1, xã Đ, huyện Kim Bảng (nay là tổ dân phố T1, phường Đ, thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Hoàng Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1] Về hôn nhân: Anh Trịnh Văn T và chị Hoàng Thị L kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tự nguyện, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi và trước khi tổ chức lễ cưới có đăng kí kết hôn ngày 02 tháng 3 năm 2009 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Kim Bảng (nay là UBND phường Đ, thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống ở nhà bố mẹ đẻ anh T đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm lẫn nhau, xảy ra cãi vã thường xuyên. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên cuối năm 2013 cho đến nay chị L đã bỏ đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là thôn T, xã Đ, huyện Kim Bảng (nay là tổ dân phố T, phường Đ, thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam không quay về chung sống với anh Tuyên và các con. Anh T đã tìm kiếm nhiều năm nay ở nhiều nơi nhưng không có tin tức của chị L và ngày 19 tháng 01 năm 2019, chị L đã được Toà án tuyên bố là mất tích. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xin ly hôn chị L là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Anh Tuyên và chị Liên có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Kim H, sinh ngày 24/12/2009 và cháu Trịnh Thị Huyền Tr, sinh ngày 04/4/2012, hiện hai cháu đang ở với anh Tuyên từ khi chị L bỏ đi năm 2013 cho đến nay, được anh T nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt, do đó giao cháu H và cháu Tr cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn

cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được, chị L không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của anh T là phù hợp quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Trịnh Văn T và chị Hoàng Thị L.

2. Con chung: Giao cháu Trịnh Thị Kim H, sinh ngày 24/12/2009 và cháu Trịnh Thị Huyền Tr, sinh ngày 04/4/2012 cho anh Tuyên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của anh T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Trịnh Văn T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Tuyên đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000196 ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng (nay là chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng). Anh T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Anh Trịnh Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Hoàng Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Kim Bảng;
- Chi cục T.H.A dân sự thị xã Kim Bảng;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt